TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 23/03/2024

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Dương Thế Anh	Nam	26/8/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	362/QĐ162/2024	TH007081	
2	Lê Nguyễn Hoàng Anh	Nam	10/5/2006	Nghệ An	Kinh	6.0	8.5	363/QĐ162/2024	TH007082	
3	Ngô Hùng Anh	Nam	05/7/2006	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	364/QĐ162/2024	TH007083	
4	Lê Nguyễn Tuấn Bảo	Nam	20/4/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	365/QĐ162/2024	TH007084	
5	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	02/10/2006	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	366/QĐ162/2024	TH007085	
6	Phạm Thế Bảo	Nam	16/6/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	7.5	367/QĐ162/2024	TH007086	
7	Võ Sỹ Bảo	Nam	20/3/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	7.5	368/QĐ162/2024	TH007087	
8	Hồ Sỹ Chiến	Nam	26/7/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	7.5	369/QĐ162/2024	TH007088	
9	Cao Việt Cường	Nam	15/6/2004	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	370/QĐ162/2024	TH007089	
10	Nguyễn Văn Đô	Nam	21/02/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	371/QĐ162/2024	TH007090	
11	Nguyễn Lâm Dũng	Nam	28/11/2006	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	372/QĐ162/2024	TH007091	
12	Phạm Mạnh Dũng	Nam	03/9/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	373/QĐ162/2024	TH007092	
13	Âu Ngọc Dương	Nam	09/7/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	374/QĐ162/2024	TH007093	
14	Hồ Đại Dương	Nam	28/5/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	375/QĐ162/2024	TH007094	
15	Nguyễn Đình Dương	Nam	12/7/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	7.0	376/QĐ162/2024	TH007095	
16	Hồ Đức Duy	Nam	10/11/2005	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	377/QĐ162/2024	TH007096	
17	Trần Văn Duy	Nam	13/4/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	378/QĐ162/2024	TH007097	
18	Lê Xuân Hà	Nam	01/9/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	379/QĐ162/2024	TH007098	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
19	Nguyễn Hữu Lê Hoàng	Nam	16/11/2006	Vĩnh Phúc	Kinh	5.3	8.5	380/QĐ162/2024	TH007099	
20	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	01/10/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	381/QĐ162/2024	TH007100	
21	Phùng Nguyễn Huy Hoàng	Nam	18/7/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	7.5	382/QĐ162/2024	TH007101	
22	Cao Lê Văn Hùng	Nam	13/02/2006	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	383/QĐ162/2024	TH007102	
23	Nguyễn Việt Hùng	Nam	08/6/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	384/QĐ162/2024	TH007103	
24	Nguyễn Quốc Huy	Nam	12/10/2006	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	385/QĐ162/2024	TH007104	
25	Nguyễn Tiến Huy	Nam	15/6/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	5.5	386/QĐ162/2024	TH007105	
26	Phan Hoàng Bảo Huy	Nam	06/9/2006	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	387/QĐ162/2024	TH007106	
27	Hồ Lê Khánh	Nam	10/8/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	388/QĐ162/2024	TH007107	
28	Phạm Văn Khánh	Nam	17/10/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	389/QĐ162/2024	TH007108	
29	Cao Thanh Lâm	Nam	21/12/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	8.0	390/QĐ162/2024	TH007109	
30	Trương Nguyễn Thành Long	Nam	11/9/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	391/QĐ162/2024	TH007110	
31	Nguyễn Đình Nguyên	Nam	09/9/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	7.0	393/QĐ162/2024	TH007112	
32	Nguyễn Mạnh Nguyên	Nam	09/10/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	7.0	394/QĐ162/2024	TH007113	
33	Phan Đức Nhật	Nam	06/8/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	395/QĐ162/2024	TH007114	
34	Hoàng Minh Quân	Nam	19/01/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	396/QĐ162/2024	TH007115	
35	Phạm Hồng Sơn	Nam	06/4/2006	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	397/QĐ162/2024	TH007116	
36	Nguyễn Công Tài	Nam	25/5/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	398/QĐ162/2024	TH007117	
37	Nguyễn Phú Tài	Nam	02/11/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	399/QĐ162/2024	TH007118	
38	Phạm Văn Thái	Nam	10/6/2006	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	400/QĐ162/2024	TH007119	
39	Hồ Đức Thắng	Nam	28/4/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	7.0	401/QĐ162/2024	TH007120	
40	Lê Đại Thành	Nam	05/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	402/QĐ162/2024	TH007121	
41	Trần Văn Tú	Nam	10/3/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	8.0	403/QĐ162/2024	TH007122	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
42	Trần Anh Tuấn	Nam	22/6/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	7.5	404/QĐ162/2024	TH007123	
43	Trần Quang Tuấn	Nam	16/01/2005	Liên Bang Nga	Kinh	5.7	7.5	405/QĐ162/2024	TH007124	
44	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	08/3/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	7.5	406/QĐ162/2024	TH007125	
45	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	08/9/2006	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	407/QĐ162/2024	TH007126	
46	Nguyễn Việt Anh	Nam	17/3/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	7.5	408/QĐ162/2024	TH007127	
47	Võ Anh Gia Bảo	Nam	04/8/2005	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	409/QĐ162/2024	TH007128	
48	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	08/3/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	5.5	412/QĐ162/2024	TH007131	
49	Nguyễn Tài Duy	Nam	20/4/2004	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	413/QĐ162/2024	TH007132	
50	Lê Thị Mỹ Duyên	Nữ	26/8/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	7.0	414/QĐ162/2024	TH007133	
51	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	11/4/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	415/QĐ162/2024	TH007134	
52	Phan Công Gia Huy	Nam	03/12/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	8.0	416/QĐ162/2024	TH007135	
53	Trương Khánh Huyền	Nữ	19/8/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	417/QĐ162/2024	TH007136	
54	Chu Thị Khánh Ly	Nữ	12/02/2006	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	418/QĐ162/2024	TH007137	
55	Nguyễn Khánh Ly	Nữ	18/7/2005	Nghệ An	Kinh	5.0	7.0	419/QĐ162/2024	TH007138	
56	Lê Thị Mai	Nữ	16/12/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	8.0	420/QĐ162/2024	TH007139	
57	Nguyễn Đình Mạnh	Nam	17/01/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	7.5	421/QĐ162/2024	TH007140	
58	Hà Đức Minh	Nam	16/11/2005	Nghệ An	Kinh	5.0	8.5	422/QĐ162/2024	TH007141	
59	Hồ Thị Trà My	Nữ	25/6/2006	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	423/QĐ162/2024	TH007142	
60	Phạm Thị Kiều Ngân	Nữ	27/7/2006	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	424/QĐ162/2024	TH007143	
61	Nguyễn Văn Nhật	Nam	30/10/2004	Nghệ An	Kinh	5.0	7.5	425/QĐ162/2024	TH007144	
62	Nguyễn Việt Nhật	Nam	05/9/2006	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	426/QĐ162/2024	TH007145	
63	Đinh Thị Quỳnh Như	Nữ	14/11/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	427/QĐ162/2024	TH007146	
64	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	28/7/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	428/QĐ162/2024	TH007147	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
65	Nguyễn Ngọc Quỳnh Phương	Nữ	27/8/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	7.5	431/QĐ162/2024	TH007150	
66	Chu Mạnh Quân	Nam	11/5/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	432/QĐ162/2024	TH007151	
67	Hồ Thúc Sang	Nam	18/4/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	433/QĐ162/2024	TH007152	
68	Nguyễn Thị Hoàng Sáng	Nữ	04/01/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	8.0	434/QĐ162/2024	TH007153	
69	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	26/9/2006	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	436/QĐ162/2024	TH007155	
70	Dương Thị Thanh	Nữ	08/6/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	437/QĐ162/2024	TH007156	
71	Phan Nguyễn Thành	Nam	23/4/2006	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	438/QĐ162/2024	TH007157	
72	Trần Thị Thủy	Nữ	18/7/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	439/QĐ162/2024	TH007158	
73	Nguyễn Xuân Tiến	Nam	18/12/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	440/QĐ162/2024	TH007159	
74	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	04/10/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	8.0	441/QĐ162/2024	TH007160	
75	Nguyễn Ngọc Tuấn Tú	Nam	13/11/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	442/QĐ162/2024	TH007161	
76	Trần Thị Cẩm Tú	Nữ	04/4/2006	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	6.5	443/QĐ162/2024	TH007162	
77	Chu Văn Tuân	Nam	20/7/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	444/QĐ162/2024	TH007163	
78	Nguyễn Thế Tuấn	Nam	27/10/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	445/QĐ162/2024	TH007164	
79	Phạm Nguyễn Anh Tuấn	Nam	17/8/2006	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	446/QĐ162/2024	TH007165	
80	Hồ Phương Uyên	Nữ	21/01/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	9.0	447/QĐ162/2024	TH007166	
81	Đặng Thị Thùy Vân	Nữ	01/04/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	8.0	448/QĐ162/2024	TH007167	
82	Nguyễn Trần Thành An	Nam	26/6/2006	Hà Nam	Kinh	5.3	7.5	449/QĐ162/2024	TH007168	
83	Nguyễn Viết An	Nam	15/7/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	7.0	450/QĐ162/2024	TH007169	
84	Bùi Trần Quang Anh	Nam	08/6/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	5.5	452/QĐ162/2024	TH007171	
85	Chu Mạnh Ánh	Nam	19/8/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	8.5	453/QĐ162/2024	TH007172	
86	Lê Khánh Công	Nam	27/02/2006	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	8.0	454/QĐ162/2024	TH007173	
87	Trương Thị Kim Cương	Nữ	09/10/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	455/QĐ162/2024	TH007174	
88	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	22/3/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	456/QĐ162/2024	TH007175	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
89	Chu Anh Đức	Nam	08/4/2006	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	457/QĐ162/2024	TH007176	
90	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	23/6/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.3	7.0	458/QĐ162/2024	TH007177	
91	Liễu Xuân Dương	Nam	12/7/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.3	7.5	459/QĐ162/2024	TH007178	
92	Nguyễn Triều Dương	Nam	12/01/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.3	6.0	460/QĐ162/2024	TH007179	
93	Phạm Thị Ánh Duyên	Nữ	18/3/2006	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	5.0	461/QĐ162/2024	TH007180	
94	Cao Thanh Hải	Nữ	01/01/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.0	7.0	462/QĐ162/2024	TH007181	
95	Lưu Thị Ngọc Hằng	Nữ	07/4/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	7.0	464/QĐ162/2024	TH007183	
96	Đặng Thị Thu Hiền	Nữ	07/5/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	8.5	465/QĐ162/2024	TH007184	
97	Trần Danh Hiển	Nam	18/12/2006	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	466/QĐ162/2024	TH007185	
98	Hoàng Minh Hiếu	Nam	25/01/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.0	6.0	467/QĐ162/2024	TH007186	
99	Lê Trung Hiếu	Nam	09/01/2005	Nghệ An	Kinh	5.0	5.5	468/QĐ162/2024	TH007187	
100	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	20/5/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	469/QĐ162/2024	TH007188	
101	Nguyễn Thanh Huân	Nam	26/5/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	470/QĐ162/2024	TH007189	
102	Thái Văn Hùng	Nam	04/01/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	7.5	471/QĐ162/2024	TH007190	
103	Nguyễn Gia Khánh	Nam	30/8/2006	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	472/QĐ162/2024	TH007191	
104	Phan Nam Khánh	Nam	26/9/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.0	7.0	473/QĐ162/2024	TH007192	
105	Nguyễn Ngọc Ký	Nam	04/01/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.0	5.0	474/QĐ162/2024	TH007193	
106	Nguyễn Đình Lập	Nam	04/11/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	6.5	475/QĐ162/2024	TH007194	
107	Lê Quang Linh	Nam	17/9/2006	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	477/QĐ162/2024	TH007196	
108	Nguyễn Hoàng Long	Nam	25/01/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	7.0	478/QĐ162/2024	TH007197	
109	Phạm Xuân Long	Nam	21/02/2006	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	6.5	479/QĐ162/2024	TH007198	
110	Hồ Đức Mạnh	Nam	05/10/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	480/QĐ162/2024	TH007199	
111	Trần Nhật Minh	Nam	22/01/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	482/QĐ162/2024	TH007201	
112	Phan Đình Nhật	Nam	15/01/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	7.0	483/QĐ162/2024	TH007202	
113	Nguyễn Hồng Quân	Nam	25/10/2004	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	6.5	484/QĐ162/2024	TH007203	
114	Nguyễn Minh Quân	Nam	19/7/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	485/QĐ162/2024	TH007204	
115	Lê Huy Quang	Nam	04/3/2006	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	487/QĐ162/2024	TH007206	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
116	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	30/9/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	488/QĐ162/2024	TH007207	
117	Vi Thị Thương	Nam	07/3/2005	Nghệ An	Thái	5.3	5.5	489/QĐ162/2024	TH007208	
118	Lê Thị Huyền Trang	Nữ	28/8/2005	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	5.0	490/QĐ162/2024	TH007209	
119	Trần Tuấn Tú	Nam	25/11/2006	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	491/QĐ162/2024	TH007210	
120	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	15/6/2006	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	6.5	492/QĐ162/2024	TH007211	
121	Bùi Quốc Cường	Nam	06/10/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	493/QĐ162/2024	TH007212	
122	Lê Viết Cường	Nam	20/3/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	494/QĐ162/2024	TH007213	
123	Ngô Khánh Cường	Nam	22/5/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.0	6.0	495/QĐ162/2024	TH007214	
124	Nguyễn Trung Đạt	Nam	14/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	496/QĐ162/2024	TH007215	
125	Dương Tuấn Duy	Nam	18/6/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	497/QĐ162/2024	TH007216	
126	Đinh Bảo Duy	Nam	21/5/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.3	6.5	498/QĐ162/2024	TH007217	
127	Hồ Viết Hào	Nam	01/3/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	500/QĐ162/2024	TH007219	
128	Nguyễn Chí Hào	Nam	11/8/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	501/QĐ162/2024	TH007220	
129	Võ Đức Hiếu	Nam	28/5/2006	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	503/QĐ162/2024	TH007222	
130	Đinh Việt Hoàng	Nam	03/01/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.0	5.5	504/QĐ162/2024	TH007223	
131	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	06/4/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	7.5	505/QĐ162/2024	TH007224	
132	Nguyễn Văn Hùng	Nam	16/6/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	5.0	507/QĐ162/2024	TH007226	
133	Trịnh Thanh Hùng	Nam	07/12/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	508/QĐ162/2024	TH007227	
134	Lê Văn Hưng	Nam	16/7/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	5.5	509/QĐ162/2024	TH007228	
135	Trương Đức Khoa	Nam	24/7/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	511/QĐ162/2024	TH007230	
136	Nguyễn Bùi Tấn Kiệt	Nam	26/9/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	512/QĐ162/2024	TH007231	
137	Nguyễn Thị Hoài Lê	Nữ	08/5/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.3	7.0	513/QĐ162/2024	TH007232	
138	Đặng Ngọc Lương	Nam	06/8/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	5.0	514/QĐ162/2024	TH007233	
139	Phan Trường Nam	Nam	24/4/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.3	6.0	518/QĐ162/2024	TH007237	
140	Lê Hữu Nhật	Nam	26/02/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	6.0	521/QĐ162/2024	TH007240	
141	Chu Gia Phong	Nam	06/6/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	523/QĐ162/2024	TH007242	
142	Nguyễn Thế Quân	Nam	08/9/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	5.5	524/QĐ162/2024	TH007243	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
143	Lê Công Tam	Nam	27/5/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	525/QĐ162/2024	TH007244	
144	Trương Đức Tân	Nam	24/7/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	526/QĐ162/2024	TH007245	
145	Nguyễn Hồng Thái	Nam	07/5/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	527/QĐ162/2024	TH007246	
146	Lương Nhật Trường	Nam	28/8/2005	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	6.5	530/QĐ162/2024	TH007249	
147	Phạm Quang Trường	Nam	08/01/2006	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	6.0	531/QĐ162/2024	TH007250	
148	Hoàng Văn Tú	Nam	17/10/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	532/QĐ162/2024	TH007251	
149	Phan Đình Tú	Nam	31/10/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	533/QĐ162/2024	TH007252	
150	Phan Đình Tùng	Nam	12/6/2006	Nghệ An	Kinh	5.0	5.5	534/QĐ162/2024	TH007253	
151	Thái Hữu Tùng	Nam	13/11/2006	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	535/QĐ162/2024	TH007254	
152	Nguyễn Thị Nghĩa	Nữ	13/10/1997	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	392/QĐ162/2024	TH007111	
153	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	07/10/1994	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	410/QĐ162/2024	TH007129	
154	Nguyễn Đức Cường	Nam	04/02/1984	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	411/QĐ162/2024	TH007130	
155	Võ Trọng Phong	Nam	04/11/1995	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	429/QĐ162/2024	TH007148	
156	Hạ Quốc Phòng	Nam	24/12/2000	Nghệ An	Kinh	5.0	7.0	430/QĐ162/2024	TH007149	
157	Hờ Y Sia	Nữ	08/9/2001	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	435/QĐ162/2024	TH007154	
158	Đậu Nguyễn Hà Anh	Nữ	07/6/1998	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	451/QĐ162/2024	TH007170	
159	Hoàng Công Hải	Nam	20/9/1981	Nghệ An	Kinh	6.0	5.0	463/QĐ162/2024	TH007182	
160	Trần Đức Hoàng Lịch	Nam	22/9/2000	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	476/QĐ162/2024	TH007195	
161	Trần Huy Mạnh	Nam	25/9/1994	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	481/QĐ162/2024	TH007200	
162	Nguyễn Ngọc Hoàng Quân	Nam	08/7/1999	Nghệ An	Kinh	7.3	7.0	486/QĐ162/2024	TH007205	
163	Nguyễn Thị Thu Hải	Nữ	04/02/1993	Nghệ An	Kinh	7.0	7.0	499/QĐ162/2024	TH007218	
164	Trần Thị Thanh Hiền	Nữ	26/3/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	502/QĐ162/2024	TH007221	
165	Trịnh Văn Huấn	Nam	20/11/1985	Nghệ An	Kinh	7.0	7.0	506/QĐ162/2024	TH007225	
166	Phan Quang Huy	Nam	12/01/1985	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	510/QĐ162/2024	TH007229	
167	Đặng Thị Ngọc Mai	Nữ	15/9/1992	Nghệ An	Kinh	5.0	5.5	515/QĐ162/2024	TH007234	
168	Đinh Nữ Diễm My	Nữ	24/9/2001	Quảng Bình	Kinh	6.0	7.5	516/QĐ162/2024	TH007235	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
169	Nguyễn Đại Nam	Nam	12/9/1994	Nghệ An	Kinh	7.3	8.5	517/QĐ162/2024	TH007236	
170	Nguyễn Phương Nam	Nam	02/05/1980	Phú Thọ	Kinh	5.3	7.5	519/QĐ162/2024	TH007238	
171	Đặng Hoàng Nam	Nam	04/9/1989	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	520/QĐ162/2024	TH007239	
172	Đoàn Thị Oanh	Nữ	26/3/1977	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	522/QĐ162/2024	TH007241	
173	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	18/01/1999	Hà Tĩnh	Kinh	5.3	5.0	528/QĐ162/2024	TH007247	
174	Hồ Thị Trang	Nữ	03/02/1994	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	529/QĐ162/2024	TH007248	
175	Đặng Duy Tường	Nam	13/9/2000	Nghệ An	Kinh	6.7	7.5	536/QĐ162/2024	TH007255	
176	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	20/12/1994	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	537/QĐ162/2024	TH007256	
177	Hoàng Xuân Vũ	Nam	12/8/1991	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	6.5	538/QĐ162/2024	TH007257	
178	Lương Thị Hồng Vy	Nữ	23/02/1985	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	539/QĐ162/2024	TH007258	